

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 49/2024/DS-ST

Ngày: 21 – 3 – 2024

V/v: “Tranh chấp hui”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 567/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về: “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1/ Ông Ông Văn N, sinh năm 1966. (Có mặt).

2/ Bà Lâm Thị M, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị M là: Ông Ông Văn N, sinh năm 1966 (Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2024) (Có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Trần Hồng N, sinh năm 1960. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 17/11/2023 và Biên bản hoà giải ngày 17/01/2024 nguyên đơn ông Ông Văn N, bà Lâm Thị M trình bày: Ông và bà M có tham hui do bà Trần Hồng N làm chủ cụ thể như sau: Hui 10.000.000 đồng

mở ngày 10/4/2020 âm lịch, gồm 25 chân, tháng khui 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, vợ chồng ông tham gia 01 chân, đã đóng được 19 kỳ thì bà N tuyên bố đình hui. Nay bà N còn nợ 19 kỳ hui chết là $19 \text{ kỳ} \times 10.000.000 \text{ đồng} = 190.000.000 \text{ đồng}$. Bà N đã trả nhiều lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông đã nhiều lần gặp yêu cầu bà N trả số tiền còn nợ bà N hứa nhưng không trả. Giữa ông và ông Lê Hoàng Đ (chồng bà N) không có việc thoả thuận chỉ thanh toán lại cho ông số tiền thực đóng. Ông chỉ gặp bà N và yêu cầu bà N trả số tiền 190.000.000 đồng. Số tiền bà N trình bày số tiền thực đóng của mỗi kỳ hui là chính xác. Nay yêu cầu bà N thanh toán số tiền hui còn nợ là 90.000.000 đồng.

Tại Biên bản hoà giải ngày 17/01/2024 bị đơn bà Trần Hồng N trình bày: Bà có mở hui 10.000.000 đồng mở ngày 10/4/2020 âm lịch, gồm 25 chân, tháng khui 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, ông N và bà M tham gia 01 chân, đã đóng được 19 kỳ, đến năm 2021 thì bà đình hui. Do năm 2020 nhuận tháng 4 ông N và bà M tham gia ở kỳ tháng 4 sau. Bà xác định ông N và bà M đóng hui cụ thể như sau: Kỳ thứ 1 đóng số tiền 7.690.000 đồng, kỳ thứ 2 đóng số tiền 7.440.000 đồng, kỳ thứ 3 đóng số tiền 7.700.000 đồng, kỳ thứ 4 đóng số tiền 7.600.000 đồng, kỳ thứ 5 đóng số tiền 7.700.000 đồng, kỳ thứ 6 đóng số tiền 7.550.000 đồng, kỳ thứ 7 đóng số tiền 7.340.000 đồng, kỳ thứ 8 đóng số tiền 7.040.000 đồng, kỳ thứ 9 đóng số tiền 7.180.000 đồng, kỳ thứ 10 đóng số tiền 7.560.000 đồng, kỳ thứ 11 đóng số tiền 7.380.000 đồng, kỳ thứ 12 đóng số tiền 6.990.000 đồng, kỳ thứ 13 đóng số tiền 6.780.000 đồng, kỳ thứ 14 đóng số tiền 7.000.000 đồng, kỳ thứ 15 đóng số tiền 6.910.000 đồng, kỳ thứ 16 đóng số tiền 6.280.000 đồng, kỳ thứ 17 đóng số tiền 6.500.000 đồng, kỳ thứ 18 đóng số tiền 6.130.000 đồng, kỳ thứ 19 đóng số tiền 5.250.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông N và bà M đã đóng là 134.020.000 đồng. Do tháng 6, 7, 8, 9/2021 dịch bệnh Covid-19 bùng phát nên bà không khui hui được. Trước đây bà và chồng là ông Lê Hoàng Đ (chết tháng 8/2023) và ông N có gặp nhau và ông N đồng ý chỉ nhận lại số tiền vốn đã đóng chứ không tính trên số chân hui chết và yêu cầu bà trả trước 100.000.000 đồng phần còn lại thì cho bà trả dần. Việc thoả thuận giữa hai bên chỉ thoả thuận miệng không có văn bản, giấy tờ nhưng ông Đ có ghi lại nay bà thực hiện theo nội dung mà ông Đ đã để lại là trả trên số tiền thực đóng. Sau đó, bà đã trả cho ông N nhiều lần tổng cộng 100.000.000 đồng nay bà đồng ý thanh toán cho ông N và bà M số tiền hui còn nợ 34.020.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Ông N trình bày: Ông N và bà M vẫn giữ quan điểm khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán số tiền hội còn nợ 90.000.000 đồng.
- Bà N vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Ông Văn N và bà Lâm Thị M khởi kiện bà Trần Hồng N về tranh chấp hội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Trần Hồng N cư trú tại ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bà Trần Hồng N là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung: Ông N, bà M xác định vợ chồng ông bà tham gia chơi hội do bà N làm chủ, loại hội 10.000.000 đồng, mở ngày 10/4/2020 âm lịch, gồm 25 chân, tháng khui 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, vợ chồng ông N, bà M tham gia 01 chân, đã đóng được 19 kỳ thì bà N tuyên bố đình hội. Bà N còn nợ 19 kỳ hội chết với số tiền 190.000.000 đồng. Sau đó, bà N đã trả nhiều lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng nay yêu cầu bà N thanh toán số tiền hội còn nợ 90.000.000 đồng. Tại Biên bản hoà giải ngày 17/01/2024 bà N xác định ông N và bà M có tham gia hội như ông N trình bày là đúng, trước đây giữa ông Đ là chồng bà và ông N có gặp nhau thoả thuận và ông N đồng ý nhận lại số tiền hội đã thực đóng theo từng kỳ và bà xác định ông N và bà M đã đóng 19 kỳ với tổng số tiền 134.020.000 đồng bà đã thanh toán được 100.000.000 đồng nay đồng ý số tiền còn lại là 34.020.000 đồng, việc thoả thuận giữa các bên chỉ bằng miệng và ông Đ có ghi lại theo dõi. Xét thấy, bà N xác định có việc thoả thuận giữa ông Đ và ông N tuy nhiên ông N không thừa nhận có việc thoả thuận này và bà N cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh có việc thoả thuận giữa ông Đ và ông N. Theo thoả thuận bà N làm chủ hội có trách nhiệm khui hội, gom hội và giao hội cho hội viên theo từng kỳ như đã thoả thuận và được hưởng tiền huê hồng của mỗi kỳ khui hội, việc đình hội là lỗi của chủ hội. Do đó, chủ hội phải nghĩa vụ giao hội theo từng kỳ mà hội viên đã đóng được tính trên số chân hội chết theo đó ông N và bà M đã đóng 19 kỳ x 10.000.000 đồng = 190.000.000 đồng bà N đã thanh toán cho

ông N và bà M 100.000.000 đồng nên có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ 90.000.000 đồng, bà N chỉ đồng ý thanh toán lại trên số tiền thực đóng sau khi đối trừ còn nợ 34.020.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Từ đó, có cơ sở xác định việc ông N, bà M có tham gia hội do bà N làm chủ và bà N còn nợ số tiền 90.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông N, bà M buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán cho ông N, bà M số tiền hội còn nợ 90.000.000 đồng.

[3] Trường hợp bà N chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N, bà M được Toà án chấp nhận nên bà N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/ND-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ông Văn N và bà Lâm Thị M. Buộc bà Trần Hồng N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ông Văn N và bà Lâm Thị M số tiền hội 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Hồng N phải chịu số tiền 4.500.000 đồng.

- Ông Ông Văn N và bà Lâm Thị M đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 2.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003081 ngày

05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, ông N và bà M được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như